

Số: *28* /2014/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 16 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế bán đấu giá tài sản Nhà nước; tài sản là tang vật,
phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ
Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản Nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 165/TTr-STP ngày 27 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá tài sản Nhà nước; tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế Bình Phước; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá; Cục trưởng Cục Hải quan Bình Phước, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Quản lý thị trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT.TU, HĐND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 2;
- TAND tỉnh, Công an tỉnh;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Phòng: NC-NgV, KTTH, PC;
- Lưu: VT. DN47(04/12) 16K.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trần

QUY CHẾ

Bán đấu giá tài sản Nhà nước; tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 / 2014/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc bán đấu giá các loại tài sản nhà nước được xử lý bằng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Tài sản là tang vật, phương tiện do vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Tài sản nhà nước bán đấu giá theo quy chế này bao gồm: Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tài sản bán đấu giá;

2. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt (gọi chung là người bán đấu giá tài sản);

3. Tổ chức, cá nhân mua tài sản bán đấu giá (gọi chung là người mua được tài sản bán đấu giá);

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc bán đấu giá tài sản

1. Việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

2. Mọi cuộc bán đấu giá đều phải do đấu giá viên điều hành theo đúng trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP), trừ trường hợp quy định tại Điều 20 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và pháp luật có quy định khác.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tổ chức bán đấu giá tài sản

1. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp bao gồm:

a) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

b) Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản).

2. Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt được thành lập để bán đấu giá tài sản nhà nước có giá trị lớn, phức tạp hoặc trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện việc bán đấu giá.

Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, thành phần gồm: Đại diện UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, cơ quan đang quản lý tài sản và đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu trong trường hợp cơ quan ra quyết định tịch thu không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, thì cơ quan đã ra quyết định tịch thu thành lập Hội đồng để bán đấu giá. Thành phần, trình tự, thủ tục bán đấu giá của hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật bán đấu giá tài sản đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt.

Điều 5. Hồ sơ chuyển giao tài sản để bán đấu giá

1. Đối với tài sản Nhà nước

a) Trong thời hạn 60 ngày đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, 30 ngày đối với tài sản khác kể từ ngày có quyết định bán tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản bán phải tiến hành thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá tài sản theo quy định. Trường hợp do tài sản có giá trị lớn, phức tạp hoặc không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng để bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

b) Hồ sơ chuyển giao cho tổ chức bán đấu giá tài sản gồm: Quyết định hoặc văn bản bán tài sản của của cơ quan có thẩm quyền; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản; các loại giấy tờ có liên quan đến tài sản.

2. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện do vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì cơ quan ra quyết định tịch thu phải ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan đã ra quyết định tịch thu thực hiện việc bảo quản, lưu giữ tài sản theo quy định tại Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính và chuyển giao hồ sơ cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

Hồ sơ chuyển giao gồm: Biên bản chuyển giao; quyết định tịch thu tang vật, phương tiện; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tang vật, phương tiện hoặc hóa đơn, chứng từ khác thể hiện giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

3. Khi chuyển giao hồ sơ để bán đấu giá, người có tài sản chuyển giao phải lập thành biên bản ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao; người bàn giao; người nhận; chữ ký có đóng dấu (nếu có) của người giao, người nhận; người bán đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm về tình trạng, số lượng và chất lượng của tài sản.

4. Người có tài sản bán đấu giá phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ chuyển giao để bán đấu giá.

Điều 6. Bảo quản tài sản bán đấu giá

Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng tài sản, người có tài sản bán đấu giá có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản cho đến khi bàn giao tài sản cho người mua tài sản bán đấu giá.

Điều 7. Xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá

1. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá được xác định trước khi ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản hoặc trước khi chuyển giao tài sản để bán đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Việc xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá đối với tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Việc xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá đối với tài sản là tang vật, phương tiện do vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Người bán đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm về giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá.

Điều 8. Hợp đồng bán đấu giá tài sản

1. Hợp đồng bán đấu giá tài sản được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá tài sản với người có tài sản bán đấu giá hoặc người đại diện của người có tài sản đó.

2. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì cơ quan ra quyết định tịch thu ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cơ quan khác thuộc quyền quản lý của mình ký kết.

3. Hợp đồng bán đấu giá tài sản phải được lập thành văn bản và có các nội dung chính sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản;
- b) Liệt kê, mô tả tài sản bán đấu giá;
- c) Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá;
- d) Thời hạn, địa điểm bán đấu giá tài sản;
- đ) Thời hạn, địa điểm, phương thức giao tài sản để bán đấu giá;
- e) Thời hạn, địa điểm, phương thức thanh toán tiền bán tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành;
- g) Phí, chi phí bán đấu giá tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành và chi phí bán đấu giá tài sản trong trường hợp bán đấu giá không thành;
- h) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- i) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- k) Các nội dung khác do các bên thoả thuận.

3. Việc ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 9. Niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản

Việc niêm yết, thông báo bán đấu giá được thực hiện theo Điều 28, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 10. Đăng ký tham gia đấu giá tài sản

1. Người tham gia đấu giá tài sản phải nộp phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước. Phí tham gia đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

Khoản tiền đặt trước do tổ chức bán đấu giá tài sản và người có tài sản bán đấu giá thỏa thuận quy định nhưng tối thiểu là 1% và tối đa không quá 15% giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá. Khoản tiền đặt trước được nộp cho tổ chức bán đấu giá tài sản.

2. Người tham gia đấu giá tài sản có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

3. Trong trường hợp người tham gia đấu giá tài sản đã nộp khoản tiền đặt trước mua được tài sản bán đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá mua; nếu không mua được tài sản, thì khoản tiền đặt trước được trả lại cho người tham gia đấu giá tài sản sau khi cuộc bán đấu giá kết thúc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trong trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá tài sản đã nộp khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá mà không thuộc trường

hợp bất khả kháng thì khoản tiền đặt trước đó thuộc về tổ chức bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Điều 11. Người không được tham gia đấu giá tài sản

1. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người tại thời điểm đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

2. Người làm việc trong tổ chức bán đấu giá tài sản, nơi thực hiện việc bán đấu giá tài sản đó, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người đó; người trực tiếp giám định, định giá tài sản, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người đó.

3. Người ra quyết định tịch thu tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; người có thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước; người ký hợp đồng thuê tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản nhà nước; cá nhân, tổ chức có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

4. Người không đủ điều kiện tham gia mua tài sản đối với một số loại tài sản theo quy định của pháp luật về loại tài sản đó.

Điều 12. Trưng bày, xem tài sản bán đấu giá

Ít nhất hai ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá tài sản, người bán đấu giá tài sản, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng tài sản phải tạo điều kiện cho người tham gia đấu giá được xem tài sản bán đấu giá. Trên tài sản hoặc mẫu tài sản phải ghi rõ tên của người có tài sản bán đấu giá và thông tin về tài sản đó.

Điều 13. Địa điểm bán đấu giá

Cuộc bán đấu giá tài sản có thể được tổ chức tại trụ sở của tổ chức bán đấu giá tài sản, tại nơi có tài sản hoặc tại một địa điểm khác theo thỏa thuận của tổ chức bán đấu giá tài sản và người có tài sản bán đấu giá.

Điều 14. Hình thức bán đấu giá, xác định mức giá (Nấc giá)

Hình thức bán đấu giá và xác định nấc giá do người có tài sản bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trình tự tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản

Trình tự, thủ tục tổ chức bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 34, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Điều 15, Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

Điều 16. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá

1. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá có giá trị xác nhận việc mua bán tài sản bán đấu giá, là cơ sở pháp lý để chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản bán đấu giá.

2. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá có các nội dung chính sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản;
- b) Họ, tên của đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá tài sản;
- c) Họ, tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá;
- d) Họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân của người mua được tài sản bán đấu giá;
- đ) Thời gian, địa điểm bán đấu giá tài sản;
- e) Tài sản bán đấu giá;
- g) Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá;
- h) Giá bán tài sản;
- i) Thời hạn, phương thức, địa điểm thanh toán tiền mua tài sản đã bán đấu giá;
- k) Thời hạn, địa điểm giao tài sản đã bán đấu giá cho người mua được tài sản bán đấu giá phù hợp với hợp đồng bán đấu giá tài sản, trừ khi các bên liên quan có thỏa thuận khác;
- l) Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ của các bên.

3. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá tài sản và người mua được tài sản bán đấu giá. Đối với những tài sản mà pháp luật quy định hợp đồng mua bán phải có công chứng hoặc phải được đăng ký, thì hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải phù hợp với quy định đó.

4. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá được lập thành ít nhất là 04 bản, trong đó tổ chức bán đấu giá tài sản giữ một bản và gửi cho người mua được tài sản bán đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, mỗi nơi một bản.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của người mua được tài sản bán đấu giá

- 1. Quyền và nghĩa vụ của người mua được tài sản bán đấu giá được xác định từ thời điểm đấu giá viên tuyên bố người đó mua được tài sản bán đấu giá.
- 2. Người mua được tài sản bán đấu giá có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản cho tổ chức bán đấu giá tài sản;
 - b) Nhận tài sản đã mua, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được xác định trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá;
 - c) Được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bán đấu giá;
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bán đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá

- 1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một người đăng ký mua tài sản bán đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc bán đấu giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó, nếu người có tài sản bán đấu giá đồng ý.

Việc bán tài sản trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết, thông báo công khai, trưng bày tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến khi quyết định bán tài sản.

Khi bán tài sản trong trường hợp này, đấu giá viên chịu trách nhiệm về việc bán đấu giá tài sản phải lập biên bản về việc bán tài sản, ghi kết quả vào Sổ đăng ký bán đấu giá tài sản và lập hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá.

Biên bản về việc bán tài sản phải thể hiện quá trình thực hiện bán đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá, sự đồng ý của người có tài sản, có chữ ký của đấu giá viên, người ghi biên bản, người có tài sản và người mua được tài sản.

2. Đối với tài sản Nhà nước: Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm, thì được bán chỉ định theo Điểm b, Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nếu người có tài sản bán đấu giá đồng ý.

Điều 19. Xử lý một số trường hợp trong bán đấu giá

1. Rút lại giá đã trả

a) Tại cuộc bán đấu giá tài sản, người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá công bố người mua được tài sản thì cuộc bán đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trong trường hợp không có người trả giá tiếp thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

b) Người rút lại giá đã trả bị trừ tiền quyền tham gia trả giá tiếp và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước của người rút lại giá đã trả thuộc về tổ chức bán đấu giá tài sản.

2. Từ chối mua tài sản bán đấu giá

a) Tại cuộc bán đấu giá, khi Đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá tài sản đã công bố người mua được tài sản bán đấu giá mà người này từ chối mua thì tài sản được bán cho người trả giá liền kề nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối mua.

b) Người trúng đấu giá không nộp tiền mua tài sản trong thời hạn quy định mà không thuộc trường hợp bất khả kháng cũng xem như từ chối mua tài sản, thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

3. Bộc thăm xác định người có quyền mua tài sản

a) Trong trường hợp đấu giá bằng bỏ phiếu, nếu có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất, thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người mua được tài sản bán đấu giá. Nếu không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người mua được tài sản bán đấu giá.

b) Trường hợp người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả hoặc từ chối mua tài sản sau khi Đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá công bố tên người được mua tài sản đấu giá mà có từ hai người trở lên cùng trả giá liền kề, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối mua thì Đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá tổ chức bốc thăm giữa những người có giá trả liền kề để chọn ra người được mua tài sản bán đấu giá.

c) Trong trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối mua hoặc những người trả giá liền kề không đồng ý tham gia bốc thăm quyền được mua tài sản thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

4. Truất quyền tham gia đấu giá

a) Tại cuộc bán đấu giá, Đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá có người tham gia đấu giá bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá trong các trường hợp sau:

- Người có giá trả mua tài sản thấp hơn giá khởi điểm.
- Người đã trả giá xin rút lại giá đã trả.
- Người tham gia đấu giá có hành vi phạm quy chế, nội quy cuộc bán đấu giá tài sản; người có hành vi phá rối, cản trở cuộc bán đấu giá tài sản hoặc liên kết, thông đồng, dìm giá tài sản bán đấu giá.

b) Người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm ngoài việc bị truất quyền tham gia đấu giá thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tịch thu tiền đặt trước, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý tiền phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước

1. Phí tham gia đấu giá không được trả lại cho người nộp sau khi đã đăng ký tham gia đấu giá trừ trường hợp cuộc bán đấu giá không được tổ chức.

2. Khoản tiền đặt trước đã nộp được trừ vào giá mua nếu người nộp trúng mua tài sản hoặc trả lại cho người nộp nếu không trúng mua tài sản sau khi cuộc bán đấu giá kết thúc.

3. Khoản tiền đặt trước không được trả lại cho người nộp trong các trường hợp sau:

a) Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước mà rút lại đăng ký tham gia đấu giá, không tham gia cuộc bán đấu giá nhưng không thuộc trường hợp bất khả kháng, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

b) Người có giá trả mua tài sản thấp hơn giá khởi điểm.

c) Tại cuộc bán đấu giá tài sản, người đã trả giá xin rút lại giá đã trả và bị truất quyền tham gia đấu giá.

d) Tại cuộc bán đấu giá tài sản, những người đã trả cùng một mức giá cao nhất hoặc trả cùng giá liền kề đủ điều kiện được mua tài sản nhưng từ chối rút thăm để được quyền mua tài sản.

đ) Người trúng đấu giá từ chối mua tài sản (từ chối tại cuộc bán đấu giá sau khi người điều hành công bố kết quả đấu giá).

4. Khoản tiền đặt trước thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều này thuộc về tổ chức bán đấu giá tài sản. Khoản tiền đặt trước của những người thuộc trường hợp quy định tại điểm đ Khoản 3 Điều này thuộc về bên có tài sản.

Điều 21. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản

1. Kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy trong các trường hợp sau đây:

a) Do thỏa thuận giữa người có tài sản bán đấu giá, người mua được tài sản bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Hợp đồng bán đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu hoặc bị hủy theo quy định của pháp luật dân sự;

c) Kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quy định tại Điều này thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trả lại tài sản bán đấu giá trong trường hợp bán đấu giá không thành

Trong trường hợp bán đấu giá tài sản không thành, thì tổ chức bán đấu giá tài sản trả lại tài sản cho người có tài sản bán đấu giá trong thời hạn chậm nhất là ba ngày làm việc (nếu có nhận tài sản), kể từ ngày bán đấu giá tài sản không thành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 23. Thời hạn, phương thức, địa điểm thanh toán tiền mua tài sản, giao tài sản đã bán đấu giá

1. Thời hạn, phương thức, địa điểm thanh toán tiền mua tài sản bán đấu giá do tổ chức bán đấu giá tài sản và người có tài sản bán đấu giá thỏa thuận trong hợp đồng bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Người có tài sản bán đấu giá chịu trách nhiệm bàn giao tài sản cho người mua được tài sản sau khi người mua nộp đủ tiền mua tài sản. Thời hạn,

địa điểm bàn giao tài sản do hai bên thỏa thuận trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 24. Thanh toán tiền bán tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành

Việc thanh toán tiền bán tài sản, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán, địa điểm thanh toán trong trường hợp bán đấu giá thành do người có tài sản bán đấu giá và người bán đấu giá thỏa thuận trong hợp đồng bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 25. Thanh toán chi phí bán đấu giá tài sản

1. Trong trường hợp bán đấu giá thành, người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho người bán đấu giá tài sản các chi phí bán đấu giá sau đây:

a) Phí bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về phí bán đấu giá tài sản;

b) Các chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá tài sản do người có tài sản bán đấu giá và người bán đấu giá tài sản thỏa thuận.

2. Trong trường hợp bán đấu giá không thành, người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho người bán đấu giá các chi phí thực tế hợp lý quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện thống nhất việc tổ chức bán đấu giá tài sản các loại tài sản nhà nước được xử lý bằng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; tài sản là tang vật, phương tiện do vi phạm hành chính bị tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Quy chế này.

3. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác định giá khởi điểm của tài sản trước khi chuyển giao cho tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn xuất hóa đơn, bán hóa đơn cho các cơ quan, đơn vị có tài sản bán đấu giá; thanh toán cho các cơ quan có liên quan các chi phí quản lý, bảo quản, bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền quản lý, bảo quản tài sản bán đấu giá

1. Quản lý, bảo quản tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan giao tài sản cho người mua tài sản đúng với số lượng, chất lượng, chủng loại tài sản bán đấu giá.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp, Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp đặc biệt

Tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá trong trường hợp đặc biệt có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật có liên quan và Quy chế này trong công tác bán đấu giá tài sản.

Điều 30. Các cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

1. Căn cứ vào các giấy tờ hợp lệ của từng loại tài sản theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá theo quy định.

2. Thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đã bán đấu giá thực hiện theo quy định pháp luật đối với tài sản đó.

Điều 31. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt trong công tác bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật và các quy định của Quy chế này.

Các nội dung không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế đề nghị các sở, ban ngành trong tỉnh, UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp trình UBND tỉnh Quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

